ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2268 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND xã Phù Ủng số 49/CV-UBND ngày 12/9/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 640/BC-STNMT ngày 24 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi" (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân xã Phù Ủng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại địa bàn xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT *(để báo cáo)*;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ân Thi;
- UBND xã Phù Ủng;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi
(Kèm theo Quyết định số 2268 /QĐ-UBND ngày 30 / 10/2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phù Ủng, huyện Ân Thi.
- Địa điểm thực hiện: Xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phù Ủng.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Tại khu đất có diện tích 15.080 m^2 thuộc địa bàn xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
- Quy mô Dự án:

+ Dân số: 236 người.

+ Phạm vi thực hiện: Giải phóng mặt bằng; san lấp mặt bằng; xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông nội bộ, cây xanh, vỉa hè, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

Cơ cấu sử dụng đất của Dự án như sau:

TT	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Tầng cao tối đa (tầng)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nhà ở liền kề (59 lô)	LK	5	6.348,38	42,10
II	Đất cây xanh	CX	-	1.055,32	7,00
III	Đất sinh hoạt cộng đồng	SHCĐ	-	1.068,58	7,09
IV	Đất giao thông + vỉa hè	-	-		43,81
	Tổng	-		**15.080**	**100**

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống tiêu thoát nước.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 0,9 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị thi công phát sinh khoảng 02 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân và khu sinh hoạt cộng đồng: 25,74 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông của người dân và hoạt động đun nấu, hệ thống điều hòa, chủ yếu là bụi, CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

+ Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung…

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 06 kg/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn thông thường gồm: Phát sinh khoảng 259,12 tấn, gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép. Khối lượng đất hữu cơ bề mặt ước tính phát sinh khoảng 2.935,2 m^3 được tận dụng một phần để trồng cây xanh tại dự án, còn lại được chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 295 kg trong quá trình xây dựng, gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; dầu mỡ thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; bao bì đựng dầu mỡ; ắc quy thải; vật liệu thấm dầu; thùng đựng sơn thải.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Phát sinh khoảng 70,07 tấn/năm, có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ. Ngoài ra, còn có bùn từ hệ thống bể hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 347,5 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng; pin thải; chai lọ đựng hoá chất, sơn, dầu mỡ, bình xịt côn trùng, vỏ bình gas mini,…; các thiết bị, linh kiện điện tử thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ các hoạt động sinh hoạt của người dân, phương tiện giao thông.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động loại 1.200 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị, rửa xe được thu gom về hố ga lắng cặn (có tấm vật liệu thấm dầu) đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 30 m^3/ngày đêm đảm bảo đạt QCĐP 01:2019/HY trước khi thải ra môi trường, quy trình: Nước thải → bể điều hoà (có song chắn rác) → bể lắng → bể xử lý kỵ khí 3 ngăn → bể lọc 3 ngăn → bể khử trùng → hố ga → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1) thải ra mương xây tiêu thoát nước phía Nam dự án và chảy ra sông Kim Sơn.

Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X(m)=2309681; Y(m)=565542.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo đạt QCĐP 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt (K=1) thải ra mương xây tiêu thoát nước phía Nam dự án và chảy ra sông Kim Sơn; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động

- Giai đoạn vận hành:

+ Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn phát sinh được thu gom trong ngày để tránh việc phát tán và phát sinh mùi hôi.

+ Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh môi trường nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống cho cộng đồng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất

lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng được thu gom về khu vực lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải nguy hại được thu gom về khu vực lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm.

- Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ra không vượt quá giới hạn cho phép.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

** Giám sát nước mặt:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Tại mương đất phía Tây dự án.

- Thông số giám sát: pH; BOD_5; COD; TSS; DO; nitrit (NO_2^- tính theo N); amoni (NH_4^+ tính theo N); tổng dầu, mỡ; tổng coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Theo quy định.

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực đầu và cuối khu đất thực hiện dự án.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, SO_2, CO, NO_2.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước và bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố ngập úng, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân làm việc cho Dự án và hướng dẫn cư dân của Dự án tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt./.